

Bản án số: 50/2019/HS-PT

Ngày 14 - 08 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các thẩm phán: Bà Nghiêm Thị Lượng.

Ông Đinh Xuân Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Trường Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 83/2019/HSPT ngày 06 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Ngô Văn Ng do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Ngô Văn Ng, sinh năm 1957; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn D1, sinh năm 1932 và bà Trần Thị T (Đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; có mặt.

- Trong vụ án này còn có bị cáo Lê Tiên D, sinh năm 1943;

Trú tại: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tuy nhiên, ngày 8/08/2019 bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo D.

- Bị hại không có kháng cáo được triệu tập đến phiên tòa:

Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Ng, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 15 bị hại, 13 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6 năm 2013, Lê Tiên D và Ngô Văn Ng thành lập Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng Q (gọi tắt là Công ty Q); Công ty Q được thành lập nhưng không có vốn của các thành viên góp vốn như đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không có bất cứ hoạt động gì. D nói với Ng đang làm thủ tục thành lập tập đoàn Th (gọi tắt là Tập đoàn) trực thuộc Bộ tài nguyên và môi trường, được cấp 51% vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Khi Tập đoàn có giấy phép hoạt động sẽ được xét tuyển công chức, ai làm việc sẽ được mua một suất đất với giá nhà nước. Để có người làm việc ngay sau khi Tập đoàn được thành lập thì phải tiến hành tuyển dụng công chức.

Ng nhận thức được công ty Q không có chức năng tuyển dụng công chức nhà nước, không được cấp đất ở; Nhưng vẫn tiếp nhận ý chí của D. Ng thông báo và yêu cầu yêu cầu những người đến xin vào làm việc phải nộp những khoản tiền gồm: Tiền lệ phí hồ sơ, tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tiền làm thủ tục cấp đất ở, lệ phí xét tuyển công chức...nhằm chiếm đoạt tiền của họ.

***Hành vi của Ngô Văn Ng:**

Từ tháng 6/2013 đến tháng 5/2016, Ngô Văn Ng đã thu tiền của những bị hại như sau:

- Anh Phạm Văn Th: 2.750.000 đồng; (tiền làm thủ tục đất ở)
- Chị Đinh Thị Nh: 2.530.000 đồng; gồm tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn;
- Chị Hoàng Thị H: 3.050.000 đồng tiền làm thủ tục đất ở; 3.200.000 đồng tiền lệ phí thi tuyển công chức; Tổng cộng: 6.250.000 đồng;
- Chị Nguyễn Thị Phương Th1: 2.750.000 đồng tiền làm thủ tục đất ở; 7.725.000 đồng tiền lệ phí thi tuyển công chức là; Tổng cộng 10.475.000;

- Chị Đào Thị Hồng Th2: 4.700.000 đồng, gồm: Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn và lệ phí thi tuyển công chức.

- Anh Nguyễn Hải Q1: 3.200.000 đồng tiền lệ phí thi tuyển công chức.

Tổng số Ng thu được là **29.905.000** đồng.

Ngoài ra Ng còn thu của:

- Ông Nguyễn Chí Ngh: 3.000.000đồng; (tiền làm thủ tục đất ở)

- Anh Nguyễn Ngọc A: 3.000.000đồng; (tiền làm thủ tục đất ở)

- Anh Nguyễn Dũng T1: 1.992.000đồng; (tiền bảo hiểm);

- Chị Phan Thị Th3: 2.530.000đồng; (tiền bảo hiểm);

- Anh Nguyễn Văn L: 1.600.000đồng, tiền thủ tục đất ở 3.000.000đồng;

Số tiền này bị cáo đã trả lại cho ông Ngh, anh T1, anh A, chị Th3, anh L ngay sau khi họ không làm việc cho công ty Q hoặc không được bố trí việc làm. Khoảng thời gian này diễn ra trong khoảng từ tháng 6/2013 đến 7/2015 khi Ng thu tiền của những người này cho Công ty Q. Người được Ng trả chậm nhất là ông Nguyễn Chí Ngh được trả lại vào ngày 10/3/2018 (trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án). Không ai trong số họ có đơn tố cáo hành vi của D và Ng, không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Tổng số tiền thu được Ng khai đã sử dụng một phần chi tiêu sinh hoạt của Công ty Q, một phần đưa cho D theo yêu cầu của D để thành lập Tập đoàn.

Ngoài số tiền trên, Ng còn thu tiền cổ phần của chị Hoàng Thị H số tiền **20.000.000** đồng và sử dụng riêng.

****Hành vi của Lê Tiến D:***

Mặc dù không làm các thủ tục để thành lập tập đoàn Th nhưng D đã lấy danh nghĩa tập đoàn để thực hiện việc tuyển dụng công chức nhà nước. Khi người lao động đến xin việc, D yêu cầu họ đóng những khoản tiền gồm: Tiền lệ phí hồ sơ, lệ phí xét tuyển công chức (còn gọi là bồi trơn công chức), tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và một số khoản tiền khác nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền đó để sử dụng chi tiêu.

Thực hiện mục đích trên, D đã chỉ đạo và giao cho: Ông Chu Đình C mua hồ sơ tuyển dụng công chức tại Sở Nội vụ. Ông C đã mua 24 bộ hồ sơ sau đó chuyển cho D quản lý; Ông Đào Văn T2 làm nhiệm vụ thu và viết phiếu thu những khoản tiền: Lệ phí hồ sơ là 100.000đồng; tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội là 2.500.000đồng của những người đến xin việc, sau đó cuối ngày tổng hợp lại số tiền đã thu được rồi chuyển cho D quản lý. Còn đối với tiền xét tuyển công

chức (tiền bồi trơn) là 3.000.000 đồng do D trực tiếp thu của người đến xin việc và không viết phiếu thu khoản tiền này.

Các bị hại mà D đã trực tiếp thu tiền hoặc chỉ đạo ông T2 thu tiền trong khoảng thời gian từ tháng 5/2016 đến tháng 9/2016 gồm: của chị Y, anh T3, anh Q1, ông Í, chị C, anh V, anh H2, anh Nh2, chị Thúy L, chị Th2, ông T2, chị D1 tổng cộng là: 51.400.000 đồng. D còn đồng phạm với Ng chiếm đoạt số tiền mà Ng thu của các bị hại là 29.905.000 đồng. Tổng cộng D chiếm đoạt số tiền là **81.305.000** đồng.

Các bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Điều tra số tiền để trả lại cho các bị hại cụ thể: Ngày 28/3/2018 Ngô Văn Ng đã nộp: 49.905.000 đồng. Ngày 04/7/2018 Lê Tiến D đã nộp: 50.000.000 đồng.

Bị cáo Ng còn có đơn tố cáo và cho rằng: Trong thời gian bị cáo thu tiền của những người lao động tại nhà ở của D (là trụ sở của Công ty Q); Số tiền thu được, sau khi trừ đi những chi phí sinh hoạt của Công ty, đã nhiều lần đưa tiền cho D để tiến hành chi phí cho việc thành lập tập đoàn Th và xin dự án từ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nguồn tiền đưa cho D có một phần là tiền thu được của người đến xin việc, còn phần lớn là tiền Ng tự bỏ ra hoặc vay mượn, nhưng không xác định được cụ thể từng phần riêng biệt. Nay Ng yêu cầu D phải trả lại cho Ng toàn bộ số tiền D đã nhận của Ng tổng cộng là 422.250.000đ

Với nội dung trên, Bản án số 29/2019/HS-ST ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố bị cáo Ngô Văn Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 BLHS 1999 xử phạt: Ngô Văn Ng 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo Lê Tiến D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với mức hình phạt 32 tháng tù, tuyên về trách nhiệm dân sự, truy thu số tiền thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2019 bị cáo Ngô Văn Ng có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Bị cáo Ng trình bày: Hiện nay, bị cáo đang bị ung thư phế quản, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo có bố đẻ và con đẻ của bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để điều trị bệnh

tại nhà. Đối với yêu cầu buộc D phải trả lại bị cáo số tiền 422.225.000 đồng. Bị cáo đã suy nghĩ lại và không yêu cầu HĐXX giải quyết.

Người bị hại là Chị Hoàng Thị H trình bày: Khoảng năm 2015- 2016 chị có xin vào làm tại Công ty Q do bị cáo Ng làm Tổng giám đốc, khi vào công ty chị có nộp tổng số 6.250.000 đồng, trong đó có 3.050.000 đồng tiền làm thủ tục đất ở; 3.200.000 đồng tiền lệ phí thi tuyển công chức; ngoài ra, khi chị được giao làm giám đốc chi nhánh tại Q, Bắc Ninh chị có nộp 20.000.000đ tiền cổ phần đưa cho bị cáo D và bị cáo Ng viết giấy xác nhận thu tiền của chị. Số tiền 6.250.000đ chị đã được bị cáo Ng trả lại, còn số tiền 20.000.000đ chị chưa được lấy lại, tại phiên tòa hôm nay chị khẳng định đã nộp số tiền cổ phần 20 triệu đồng cho bị cáo Ng, bị cáo Ng đã nộp số tiền này tại cơ quan điều tra để trả cho chị, chị thấy bị cáo Ng đã khắc phục hậu quả và nhận thấy được việc làm sai trái của mình nên chị đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ngô Văn Ng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận:

Ngô Văn Ng, Lê Tiến D cùng nhau thành lập Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng Q do Ng làm giám đốc, D làm Chủ tịch hội đồng quản trị. Ngày 26/6/2013 Công ty Q được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thành viên góp vốn của Q gồm: Ngô Văn Ng, Lê Tiến D, Nguyễn Thị D1 và Khổng Thị H nhưng không có ai góp vốn và cũng không có hoạt động kinh doanh gì. D nghĩ ra việc thành lập Tập đoàn Th và nói với Ng để thông tin lại với những người đến xin việc rằng: Đây là tập đoàn có 51% vốn Nhà nước, được xét tuyển công chức, khi vào làm việc còn được cấp đất ở với giá ưu tiên... do vậy, để Th khi thành lập có bộ máy làm việc luôn thì phải tiến hành tuyển người lao động.

Để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản, bằng thủ đoạn gian dối, D và Ng hứa hẹn với người đến xin việc là họ sẽ được tuyển dụng vào làm việc, trở thành công chức Nhà nước, nắm giữ những vị trí quan trọng của Công ty, tập đoàn, được chia đất ở, được phân chia lợi nhuận khi làm ăn có lãi ...để các bị hại tin tưởng, tự nguyện nộp cho D, Ng các khoản như: tiền hồ sơ, tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tiền lệ phí công chức, tiền cổ phần...

Khoảng thời gian từ tháng 9/2013 đến tháng 5/2016, Ng và D đã chiếm đoạt của:

- Anh Phạm Văn Th: 2.750.000 đồng ;
- Chị Đinh Thị Nh: 2.530.000 đồng;
- Chị Hoàng Thị H: 6.250.000 đồng;
- Chị Nguyễn Thị Phương Th1: 10.475.000đồng;
- Chị Đào Thị Hồng Th2: 4.700.000 đồng;
- Anh Nguyễn Hải Q1: 3.200.000 đồng.

Tổng số tiền thu được là: **29.905.000 đồng**.

Ngoài ra, một mình Ng còn chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H số tiền là **20.000.000** đồng (tiền cổ phần), Ng dùng chi tiêu riêng cá nhân.

Tổng số tiền Ngô Văn Ng chiếm đoạt của các bị hại là **49.905.000** đồng.

Do vậy, án sơ thẩm xét xử bị cáo Ngô Văn Ng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Ngô Văn Ng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi đó phải bị xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, mức án 20 tháng tù áp dụng với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã bồi thường đầy đủ cho các bị hại, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội từ năm 1976-1981, bố đẻ và con đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng

chiến, bị cáo cũng đã ngoài 60 tuổi, hiện đang mắc bệnh hiểm nghèo, tại phiên tòa hôm nay chị H là người bị hại trong vụ án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy cần mở lượng khoan hồng, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[3]. Đối với yêu cầu của bị cáo Ng buộc D phải trả 422.225.000 đồng cho Ng, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không yêu cầu xem xét nên không đề cập giải quyết.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Bị cáo Ngô Văn Ng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn Ng, sửa bản án sơ thẩm

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 60 BLHS 1999 xử phạt: Bị cáo Ngô Văn Ng 20 (hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (14/8/2019).

Giao bị cáo Ngô Văn Ng cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Ngô Văn Ng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CSĐT, VKS, TAND huyện Tiên Du;
- PC 10 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hòa

